

Số: /2025/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp trong công tác xử lý vi phạm hành chính
và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp
luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính số...ngày 20/6/2012; Luật sửa đổi,
bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13/11/2020; Luật
sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày
25/6/2025;*

*Căn cứ Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ
quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12/02/2020 của Chính phủ về
kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;
Nghị định số 93/2025/NĐ-CP ngày 26/4/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của
Nghị định số 19/2020/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy
định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;
Nghị định số 68/2025/NĐ-CP ngày 18/3/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một
số điều của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP; Nghị định số 190/2025/NĐ-CP ngày
01/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày
23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật
Xử lý vi phạm hành chính được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 68/2025/NĐ-
CP ngày 18/3/2025 của Chính phủ và Nghị định số 120/2021/NĐ-CP ngày
24/12/2021 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính
giáo dục tại xã, phường, thị trấn;*

*Căn cứ Nghị định số 80/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về
tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Thông tư số 14/2021/TT-BTP ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ
Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 19/2020/NĐ-CP;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số /TTr-STP ngày
.../9/2025.*

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định ban hành Quy chế phối hợp trong công tác xử lý vi phạm hành chính và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp trong công tác xử lý vi phạm hành chính và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngàytháng....năm 2025; thay thế Quyết định số 15/2022/QĐ-UBND ngày 23/6/2022 của UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp trong công tác xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp; Giám đốc các sở; Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Cục KTVB&QLXLVPHC, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- TAND tỉnh, VKSND tỉnh;
- Báo Hà Tĩnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, NC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hồng Lĩnh

QUY CHẾ

**Phối hợp trong công tác xử lý vi phạm hành chính và
tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND ngày / /2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về nguyên tắc, hình thức, nội dung, trách nhiệm phối hợp của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác xử lý vi phạm hành chính (sau đây viết tắt là XLVPHC) và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật (sau đây viết tắt là VBQPPL) trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; cơ quan được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh (sau đây gọi chung là sở, ban, ngành cấp tỉnh).
- UBND các xã, phường (sau đây gọi chung là UBND cấp xã).
- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện công tác XLVPHC và tổ chức thi hành VBQPPL trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

- Tuân thủ các quy định của pháp luật về XLVPHC và tổ chức thi hành VBQPPL.
- Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chủ động phối hợp chặt chẽ, thống nhất, thường xuyên, đồng bộ nhằm thực hiện tốt công tác quản lý XLVPHC và tổ chức thi hành VBQPPL.
- Việc phối hợp dựa trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị, tổ chức theo quy định; đảm bảo không làm ảnh hưởng đến hoạt động riêng của từng cơ quan, đơn vị, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân có liên quan.
- Tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước, kịp thời phát hiện những quy định không còn phù hợp, từ đó kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, hủy bỏ.

Điều 4. Hình thức phối hợp

1. Trao đổi ý kiến bằng văn bản hoặc cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan bằng văn bản theo yêu cầu của cơ quan chủ trì và theo nội dung tại Quy chế này.
2. Tổ chức họp liên ngành.
3. Thành lập, tham gia đoàn kiểm tra liên ngành việc thi hành pháp luật về XLVPHC và tổ chức thi hành VBQPPL.
4. Tham gia triển khai các biện pháp thực hiện quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.
5. Tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết.
6. Các hình thức phù hợp khác theo quy định của pháp luật.

Chương II

NỘI DUNG VÀ TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP

Mục 1

NỘI DUNG VÀ TRÁCH NHIỆM CHUNG

Điều 5. Phối hợp xây dựng và hoàn thiện pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và tổ chức thi hành VBQPPL

1. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp xã thường xuyên rà soát chính sách, pháp luật về XLVPHC và tổ chức thi hành VBQPPL để kịp thời phát hiện các quy định không khả thi, không phù hợp hoặc chồng chéo, mâu thuẫn gửi về Sở Tư pháp tổng hợp, kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý.
2. Sở Tư pháp tổng hợp kiến nghị, phản ánh của các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức, cá nhân có liên quan về những vướng mắc trong quá trình thực hiện pháp luật về XLVPHC và tổ chức thi hành VBQPPL trên địa bàn tỉnh; đề xuất, tham mưu UBND tỉnh xem xét, giải quyết hoặc kiến nghị đến cấp có thẩm quyền xem xét, hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới để nâng cao hiệu quả công tác thi hành pháp luật về XLVPHC và tổ chức thi hành VBQPPL.

Điều 6. Ban hành kế hoạch

1. Hằng năm, Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp xã xây dựng Kế hoạch theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành để tổ chức thực hiện.
2. Nội dung kế hoạch theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật được xây dựng căn cứ theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 80/2025/NĐ-CP, bảo đảm xác định rõ lĩnh vực, nội dung, thời gian thực hiện, phương thức tổ chức thực hiện, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan và sản phẩm đầu ra.
3. Căn cứ kế hoạch của tỉnh, các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp xã

có trách nhiệm tổ chức thực hiện và lồng ghép nội dung theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp vào kế hoạch công tác hàng năm của cơ quan, đơn vị, địa phương mình.

Điều 7. Tuyên truyền, phổ biến pháp luật; hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ

1. Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật:

Sở Tư pháp chủ trì tham mưu UBND tỉnh tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật Xử lý vi phạm hành chính và các Nghị định hướng dẫn thi hành; Nghị định số 80/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật.

Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp xã có trách nhiệm tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật Xử lý vi phạm hành chính, các Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính thuộc phạm vi quản lý; Nghị định số 80/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản liên quan đến các đơn vị, tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý.

2. Công tác hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ:

a) Đối với công tác tổ chức thi hành pháp luật

Sở Tư pháp chủ trì tổ chức hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về công tác tổ chức thi hành pháp luật cho cán bộ, công chức làm công tác pháp chế, công chức làm công tác tư pháp ở địa phương và các đơn vị có liên quan theo quy định tại Điều 5, Điều 6 và Điều 7 Nghị định số 80/2025/NĐ-CP.

Các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp xã phối hợp cử cán bộ tham gia và tổ chức triển khai nội dung tập huấn đến đội ngũ cán bộ thực hiện công tác theo dõi thi hành pháp luật tại đơn vị, địa phương mình.

b) Đối với công tác xử lý vi phạm hành chính

Sở Tư pháp chủ trì, tham mưu, giúp UBND tỉnh thực hiện nhiệm vụ phổ biến, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ áp dụng pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh.

Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp xã có trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức hội nghị tập huấn chuyên sâu, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức làm công tác tham mưu về XLVPHC tại cơ quan, đơn vị, địa phương mình.

Điều 8. Kiểm tra công tác xử lý vi phạm hành chính và tổ chức thi hành pháp luật

1. Sở Tư pháp chủ trì tham mưu cơ quan, người có thẩm quyền thành lập đoàn kiểm tra liên ngành để thực hiện việc kiểm tra về công tác XLVPHC và tổ chức thi hành pháp luật. Về căn cứ, nội dung, phương thức, đối tượng, thẩm quyền kiểm tra thực hiện theo quy định tại Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12/02/2020 của Chính phủ về kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về

xử lý vi phạm hành chính (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 93/2025/NĐ-CP); Điều 14 Nghị định số 80/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp xã có trách nhiệm tổ chức kiểm tra công tác XLVPHC và tổ chức thi hành pháp luật theo ngành, lĩnh vực, phạm vi quản lý; cử cán bộ, công chức có năng lực về trình độ chuyên môn tham gia đoàn kiểm tra liên ngành về công tác XLVPHC và tổ chức thi hành VBQPPL theo đề nghị của cơ quan, người có thẩm quyền.

3. Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân là đối tượng kiểm tra có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo theo yêu cầu của đoàn kiểm tra; cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan trung thực, kịp thời; chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của báo cáo, tính xác thực của tài liệu cung cấp; giải trình những vấn đề thuộc nội dung kiểm tra; tạo điều kiện thuận lợi để đoàn kiểm tra hoàn thành nhiệm vụ và thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Chế độ báo cáo

Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp xã có trách nhiệm gửi báo cáo về Sở Tư pháp như sau:

1. Báo cáo năm thực hiện theo quy định của Chính phủ và Bộ Tư pháp.
2. Đề cương báo cáo và biểu mẫu thống kê về công tác XLVPHC thực hiện theo quy định tại Thông tư của Bộ Tư pháp quy định chế độ báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.
3. Ngoài việc thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo quy định tại khoản 1, các sở, ban ngành cấp tỉnh, UBND cấp xã thực hiện báo cáo chuyên đề, đột xuất theo yêu cầu của Bộ Tư pháp, các Bộ, ngành Trung ương, UBND tỉnh và khi có yêu cầu của Sở Tư pháp.

Mục 2

PHỐI HỢP TRONG CÔNG TÁC XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Điều 10. Thực hiện giải quyết, xử lý đối với hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính

1. Trách nhiệm của người có thẩm quyền thụ lý vụ việc vi phạm hành chính:

a) Chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan nghiên cứu, giải quyết, xử lý theo thẩm quyền các vụ việc vi phạm hành chính được quy định tại Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 được sửa đổi, bổ sung năm 2020 và năm 2025; các văn bản hướng dẫn thi hành và quy định khác của pháp luật có liên quan.

b) Trường hợp vụ việc vi phạm hành chính không thuộc thẩm quyền xử phạt của người lập biên bản vi phạm hành chính thì biên bản vi phạm hành chính

và các tài liệu có liên quan phải được chuyển cho người có thẩm quyền xử phạt theo quy định tại khoản 9 Điều 12 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 190/2025/NĐ-CP.

c) Phối hợp theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả của cá nhân, tổ chức bị xử phạt theo quy định.

2. Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm:

a) Rà soát, nghiên cứu, trình Chủ tịch UBND tỉnh: ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính; tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính nếu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính thuộc loại cấm tàng trữ, cấm lưu hành hoặc tang vật, phương tiện mà pháp luật có quy định hình thức xử phạt tịch thu; áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, sau khi đã nhận đủ hồ sơ hợp lệ của cơ quan, người có thẩm quyền đang giải quyết vụ việc theo quy định tại Điều 65 và Điều 66 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 33 và khoản 34 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020.

b) Phối hợp với các cơ quan liên quan, chuẩn bị các điều kiện bảo đảm cho việc tổ chức giải trình (nếu có) theo quy định tại Điều 61 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 30 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020.

Điều 11. Cường chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính

1. Người ra quyết định cường chế có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc cường chế thi hành quyết định xử phạt của mình và cấp dưới.

2. Các tổ chức, cá nhân liên quan có nghĩa vụ phối hợp với người có thẩm quyền ra quyết định cường chế hoặc cơ quan được giao chủ trì tổ chức cường chế triển khai các biện pháp nhằm thực hiện quyết định cường chế.

3. Chủ tịch UBND cấp xã nơi tổ chức cường chế có trách nhiệm phối hợp thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến thi hành quyết định cường chế trong trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cường chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

4. Tổ chức tín dụng, Kho bạc Nhà nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi cá nhân, tổ chức bị cường chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính mở tài khoản có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ được quy định tại điểm c khoản 3 Điều 88 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, được sửa đổi, bổ sung tại điểm c khoản 45 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020.

5. Trình tự, thủ tục áp dụng các biện pháp cường chế thực hiện theo quy định tại Chương II của Nghị định số 166/2013/NĐ-CP.

Điều 12. Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm giúp UBND tỉnh xây dựng cơ sở dữ liệu về XLVPHC và tích hợp vào cơ sở dữ liệu quốc gia về XLVPHC tại Bộ Tư pháp.

2. Cơ quan của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, cơ quan thi hành quyết định xử phạt, cơ quan thi hành quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt, cơ quan quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính, cơ quan thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính có trách nhiệm cung cấp, cập nhật thông tin, kết quả XLVPHC thuộc thẩm quyền, phạm vi quản lý đến hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về XLVPHC theo quy định.

3. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp xã có trách nhiệm cung cấp thông tin để phục vụ công tác xây dựng cơ sở dữ liệu về XLVPHC theo quy định.

Điều 13. Thống kê về xử lý vi phạm hành chính

Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp xã thực hiện công tác thống kê về XLVPHC theo quy định của pháp luật về thống kê và hướng dẫn của Bộ Tư pháp.

Điều 14. Thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong công tác xử lý vi phạm hành chính

1. Công tác thanh tra

Khi có kiến nghị của Sở Tư pháp hoặc kiến nghị, phản ánh của cá nhân, tổ chức, báo chí về việc áp dụng quy định pháp luật về XLVPHC có ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức hoặc theo kế hoạch trong trường hợp quy định tại Điều 32 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại điểm e khoản 1 Điều 2 Nghị định số 68/2025/NĐ-CP) thì cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực có kiến nghị, phản ánh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo Thanh tra tỉnh tổ chức thanh tra theo quy định.

2. Giải quyết khiếu nại, tố cáo

Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có thẩm quyền XLVPHC có trách nhiệm giải quyết khiếu nại, tố cáo trong XLVPHC theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 18 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 và quy định của pháp luật.

Mục 3

PHỐI HỢP TRONG CÔNG TÁC THEO DÕI TÌNH HÌNH THI HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Điều 15. Xây dựng Kế hoạch theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật trọng tâm liên ngành

1. Trong thời hạn quy định tại khoản 3 Điều 12 Nghị định số 80/2025/NĐ-CP, Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng kế hoạch, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành kế hoạch theo dõi việc thi hành văn

bản quy phạm pháp luật của địa phương.

2. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp xã có trách nhiệm phối hợp với cơ quan chủ trì tham gia góp ý dự thảo Kế hoạch đảm bảo chất lượng, thời hạn quy định.

3. Sau khi có ý kiến các cơ quan liên quan và địa phương, Sở Tư pháp có trách nhiệm tổng hợp tiếp thu ý kiến, trường hợp không tiếp thu thì phải có giải trình cụ thể, hoàn thiện trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành.

Điều 16. Xây dựng Kế hoạch triển khai thi hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Đối với Kế hoạch triển khai Luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

a) Trong thời hạn quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4 Nghị định số 80/2025/NĐ-CP, sở, ban, ngành được giao tham mưu quản lý nhà nước liên quan đến Luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng dự thảo Kế hoạch triển khai thực hiện của UBND tỉnh.

b) Các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp xã có trách nhiệm phối hợp với cơ quan chủ trì tham gia góp ý dự thảo Kế hoạch đảm bảo chất lượng, thời hạn quy định.

c) Sở, ban, ngành chủ trì xây dựng dự thảo Kế hoạch hoàn thiện dự thảo trình UBND tỉnh xem xét, ban hành.

2. Đối với Kế hoạch triển khai các văn bản QPPL khác của Trung ương ban hành

Căn cứ vào tính chất quan trọng của từng văn bản, UBND tỉnh quyết định việc xây dựng Kế hoạch đối với từng trường hợp cụ thể. Trường hợp ban hành Kế hoạch, sở, ban, ngành được giao tham mưu quản lý nhà nước liên quan đến văn bản, căn cứ thời hạn quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 80/2025/NĐ-CP chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan xây dựng Kế hoạch. Quá trình xây dựng thực hiện theo quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều này.

Điều 17. Thu thập, xử lý kết quả thu thập thông tin

1. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp xã có trách nhiệm thu thập thông tin về tình hình thi hành pháp luật trong phạm vi quản lý theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 80/2025/NĐ-CP.

2. Trường hợp có kiến nghị xử lý thuộc thẩm quyền xử lý của cơ quan trung ương thì kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định.

Trường hợp kiến nghị xử lý thuộc thẩm quyền UBND tỉnh thì các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp xã tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xử lý theo các hình thức quy định tại điểm a, đ, e khoản 2 Điều 13 Nghị định số 80/2025/NĐ-CP.

3. Sở Tư pháp chủ trì tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc,

kiểm tra các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý kịp thời xử lý kết quả thi hành văn bản quy phạm pháp luật; tổng hợp việc xử lý kết quả trong báo cáo về tổ chức thi hành pháp luật hằng năm gửi Bộ Tư pháp.

Điều 18. Phối hợp quản lý, khai thác, sử dụng Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật

1. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã
 - a) Cử đầu mối chuyên trách để được cấp quyền truy cập và thực hiện việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị trên hệ thống theo lĩnh vực quản lý.
 - b) Chủ động trong việc rà soát, phân loại, xử lý và phản hồi kết quả giải quyết phản ánh, kiến nghị; bảo đảm thực hiện đúng thời hạn, trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định pháp luật.

2. Sở Tư pháp là cơ quan đầu mối của tỉnh trong việc phối hợp quản lý, khai thác, sử dụng Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật do Bộ Tư pháp xây dựng và vận hành.

Điều 19. Báo cáo về tổ chức thi hành pháp luật

1. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm xây dựng báo cáo định kỳ hằng năm về công tác về tổ chức thi hành pháp luật theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp, gửi về Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.
2. Nội dung, thời hạn, biểu mẫu báo cáo thực hiện theo quy định tại Điều 10 và Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 80/2025/NĐ-CP; đảm bảo phản ánh đầy đủ tình hình ban hành văn bản chỉ đạo, kết quả theo dõi, kiến nghị xử lý, khó khăn, vướng mắc và đề xuất giải pháp.
3. Sở Tư pháp tổng hợp kết quả, phản hồi nội dung kiến nghị, chia sẻ thông tin về kết quả theo dõi có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan phối hợp.

CHƯƠNG III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Sở Tư pháp:
 - a) Là cơ quan đầu mối trực tiếp tham mưu giúp UBND tỉnh trong công tác quản lý về XLVPHC và tổ chức thi hành VBQPPL; chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp xã tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này.
 - b) Chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch phối hợp liên ngành trong công tác XLVPHC và tổ chức thi hành VBQPPL trên địa bàn tỉnh.
 - c) Định kỳ hằng năm hoặc đột xuất (khi có yêu cầu) tổng hợp báo cáo về công tác XLVPHC và tổ chức thi hành VBQPPL; báo cáo UBND tỉnh, Bộ Tư pháp và cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

d) Phối hợp với các Sở: Nội vụ, Tài chính tham mưu UBND tỉnh bố trí nguồn nhân lực, kinh phí để triển khai thực hiện công tác XLVPHC và tổ chức thi hành VBQPPL trên địa bàn tỉnh.

e) Kịp thời báo cáo UBND tỉnh những cơ quan, đơn vị, cá nhân không thực hiện hoặc thực hiện không đúng các quy định của pháp luật về XLVPHC và tổ chức thi hành VBQPPL.

2. Sở Nội vụ:

Chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp và các cơ quan có liên quan tham mưu UBND tỉnh xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức thực hiện công tác quản lý nhà nước về XLVPHC và tổ chức thi hành VBQPPL theo vị trí việc làm đúng quy định của pháp luật và phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh.

3. Sở Tài chính:

Chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp tham mưu UBND tỉnh phương án kinh phí cho công tác XLVPHC và tổ chức thi hành VBQPPL theo quy định.

4. Công an tỉnh:

a) Phối hợp với Sở Tư pháp, các cơ quan liên quan triển khai thực hiện công tác thi hành pháp luật về XLVPHC và tổ chức thi hành VBQPPL theo quy định pháp luật và kế hoạch của UBND tỉnh.

b) Phối hợp cưỡng chế khi có đề nghị của người có thẩm quyền ban hành Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

5. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh:

a) Chủ động thực hiện nhiệm vụ về XLVPHC và tổ chức thi hành VBQPPL tại cơ quan, đơn vị.

b) Phối hợp với Sở Tư pháp và các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện công tác XLVPHC và tổ chức thi hành VBQPPL theo quy định pháp luật và Quy chế này.

6. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh:

a) Tổ chức quán triệt, phổ biến các văn bản pháp luật cho cán bộ, công chức, viên chức, thành viên, đoàn viên, hội viên. Cung cấp thông tin về việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật từ hoạt động giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật thuộc phạm vi giám sát của Mặt trận.

b) Phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh tuyên truyền, phổ biến những nội dung của pháp luật về XLVPHC và tổ chức thi hành VBQPPL cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người dân.

7. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh:

a) Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình thực hiện các quy định

tại khoản 4 và khoản 6 Điều 17 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, được sửa đổi, bổ sung tại điểm b và điểm c khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020 và các quy định có liên quan.

b) Chỉ đạo các đơn vị trong ngành thực hiện việc cập nhật thông tin và đảm bảo tính chính xác, đầy đủ các nội dung được tích hợp vào cơ sở dữ liệu quốc gia về XLVPHC.

c) Tổ chức phổ biến, quán triệt các văn bản pháp luật cho cán bộ thuộc phạm vi quản lý, nhất là cán bộ có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính hoặc có thẩm quyền xem xét, áp dụng các biện pháp xử lý hành chính để bảo đảm việc chấp hành và áp dụng đúng pháp luật.

d) Cung cấp thông tin về tổ chức thi hành VBQPPL của cơ quan, tổ chức, cá nhân thông qua hoạt động xét xử.

e) Phối hợp thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Quy chế này.

8. Đề nghị Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh:

a) Cung cấp thông tin về tổ chức thi hành VBQPPL của cơ quan, tổ chức, cá nhân thông qua hoạt động công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp.

b) Phối hợp thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Quy chế này.

9. Báo Hà Tĩnh:

a) Kịp thời đưa tin, tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật bằng các hình thức phù hợp nhằm giúp các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật;

b) Cung cấp ý kiến phản ánh của dư luận xã hội về tổ chức thi hành VBQPPL.

10. Tổ chức tín dụng, Kho bạc Nhà nước:

a) Thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản 4 Điều 11 Quy chế này.

b) Phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện các quy định về XLVPHC theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

11. Hội Luật gia tỉnh, Đoàn Luật sư tỉnh:

Cung cấp ý kiến, kiến nghị của các luật gia, luật sư về các vấn đề pháp lý liên quan đến tổ chức thi hành VBQPPL.

12. Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Hằng năm xây dựng kế hoạch công tác THPL về XLVPHC và tổ chức thi hành VBQPPL, tổ chức triển khai tại địa phương.

b) Phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan triển khai thực hiện quản lý công tác XLVPHC và tổ chức thi hành VBQPPL theo quy định pháp luật và kế hoạch của UBND tỉnh.

c) Bố trí nguồn nhân lực, kinh phí để triển khai thực hiện công tác XLVPHC và tổ chức thi hành VBQPPL tại địa phương.

Điều 21. Điều khoản tham chiếu

Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật mới.

Điều 22. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc các sở; Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND cấp xã có trách nhiệm phổ biến đến cán bộ, công chức thuộc cơ quan, đơn vị mình và các tổ chức, cá nhân có liên quan các nội dung của Quy chế này.

2. Trong quá trình thực hiện Quy chế, trường hợp có khó khăn, vướng mắc phát sinh, các cơ quan, đơn vị, địa phương và các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh về Sở Tư pháp để được hướng dẫn, giải quyết; trường hợp vượt thẩm quyền Sở Tư pháp tổng hợp, báo cáo, đề xuất UBND tỉnh xem xét, xử lý theo quy định./.